

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2021/HS-ST**
Ngày: 28-6-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thanh Nhàn**.

2. Ông **Nguyễn Tuyết**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Duy Toàn** - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:
Ông **Vương Khả Nhật Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Sú Coóng P**, sinh năm: 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sú Say S (đã chết) và bà Lâm Vòng M, sinh năm: 1951 hiện cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; gia đình có 09 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1967, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; vợ: Ngô Thị Bích N, sinh năm: 1992; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017 hiện cùng cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân Thân: Ngày 24/05/2021, bị Công an thành phố Bảo Lộc đã xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 72/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Bảo Lộc từ ngày 28/12/2020 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Nghiêm Văn Lợi**, sinh năm: 1986 tại Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã K, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn N (đã chết) và con bà Mai Thị T, sinh năm 1961 hiện cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; gia đình có 05 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; vợ: Lê Thị Thùy T, sinh năm:

1994; con: có 01 con sinh năm 2020 hiện cùng cư trú tại xã L, huyện Bả, tỉnh Lâm Đồng; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân:

- Ngày 29/06/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Bảo Lộc xử phạt 06 tháng 12 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 49/2005/HSST.

- Ngày 17/05/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 41/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/11/2012.

- Ngày 24/05/2021, bị Công an thành phố Bảo Lộc đã xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 72/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Bảo Lộc từ ngày 28/12/2020 đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: **Bùi Đức D**, sinh năm: 1998 tại Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 7, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1977 và con bà Nguyễn Thị Vân C, sinh năm 1980, hiện cả hai cư trú tại xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; gia đình có 02 anh em ruột, nhỏ nhất sinh năm 2008, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại:

1. Bà **Mã Thị Hương S**, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 20, phường S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đã ủy quyền cho ông **K'W** (K'Boi), sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số 45/12 đường 1/5, tổ 6, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021. Có mặt.

2. Ông **Trương Văn T**, sinh năm: 1953; nơi cư trú: Số 54/15 đường Đ, tổ 8, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Ngô Thị Bích N**, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 19/12/2020, Sứ Coóng P cùng với Nghiêm Văn L và Bùi Đức D đã cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố Bảo Lộc, nội dung cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 14/12/2020, P rủ Lợi và D đi lấy trộm cây hoa giấy thì L, D đồng ý. Phát điều khiển xe ô tô tải biển số 49C - 165.57 chở L, D mang theo 01 chiếc xẻng dài 34cm có phần cán xẻng bằng gỗ tre dài 21cm, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 13cm, bề rộng lưỡi xẻng là 08cm; 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 42cm; 01 chiếc cưa cầm tay dài 38cm, phần cán làm bằng

nhựa màu đen dài 13cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, đến khu vực đường Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, thành phố Bảo Lộc, sát với hông trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc thì thấy có 01 cây hoa giấy của bà Mã Thị Hương S có cành mọc vươn ra ngoài. D ngồi trên xe cảnh giới, còn P và L leo cây trèo tường vào trong khuôn viên trường, L dùng 01 chiếc xẻng đào gốc cây hoa giấy còn P dùng cưa tay cắt hết cành lá nên gốc cây hoa giấy đỏ chỉ còn kích thước chu vi gốc 66cm, cao 132cm, rộng 136cm. Sau đó cả hai kéo gốc cây đến đoạn tường có lưới thép gai đưa ra ngoài cho D bỏ lên thùng xe tải. Lúc này, L nói trong khuôn viên trường còn có cây hoa đào nên P chạy xe đậu sát vách tường rào để L dùng xà beng đục tường được 01 lỗ có kích thước khoảng (80x60cm). P ở ngoài xe cảnh giới, còn L và D chui vào trong trường tiếp tục lấy trộm được 17 chậu bê tông màu cam đường kính 60cm, cao 26cm và 07 cây hoa đào có bầu đất ở gốc, gồm: 01 cây hoa đào loại bạch đào, cao 200cm, tán rộng 170cm, chu vi gốc 48cm; 01 cây hoa đào loại bạch đào, cao 210cm, tán rộng 156cm, chu vi gốc 37cm; 01 cây hoa đào loại bạch đào, cao 190cm, tán rộng 176cm, chu vi gốc 42cm; 01 cây hoa đào loại bạch đào, cao 190cm, tán rộng 200cm, chu vi gốc 53cm; 01 cây hoa đào loại bạch đào, cao 210cm, tán rộng 140cm, chu vi gốc 41cm; 01 cây hoa đào loại đào phai, cao 230cm, tán rộng 110cm, chu vi gốc 50cm; 01 cây hoa đào loại đào phai, cao 180cm, tán rộng 150cm, chu vi gốc 31cm, mang ra xe ô tô tải biển số 49C-165.57. Sau đó, P chở L và D mang các tài sản trộm cắp được của bà Sen về nhà Phát tại thôn A, xã L, huyện B cất giấu. Sau đó, P chia cho D 02 cây hoa đào và 02 chậu bê tông mang về nhà tại thôn 7, xã T, huyện D trồng. Còn lại 01 gốc cây hoa giấy đỏ và 05 cây hoa đào P trồng trước sân nhà cùng với các chậu bê tông còn lại.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01 ngày 27/12/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bảo Lộc xác định: Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp của bà Mã Thị Hương S là 41.800.000đ.

- Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 19/12/2020, P điều khiển xe ô tô tải biển số 49C - 165.57 chở L đến vườn cây cảnh của ông Trường Văn T, tại số 265 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, cả hai thấy vườn cây không có người trông coi nên rủ nhau đi vào vườn trộm cắp cây. P đứng bên ngoài cảnh giới, còn L đi vào trong vườn lấy trộm được 04 gốc cây hoa giấy gồm: 01 gốc cây hoa giấy có chu vi gốc 31cm, chiều cao 182cm, tán cây 113cm; 01 gốc cây hoa giấy có chu vi gốc 27cm, chiều cao 149cm, tán cây 65cm; 01 gốc cây hoa giấy có chu vi gốc 53cm, chiều cao 166cm, tán cây 65cm; 01 cây hoa giấy có chu vi gốc 60cm, trên cây có hai thân, thân 1 có chiều cao 320cm và chu vi 31cm, thân 2 có chiều cao 320cm và chu vi 36cm, rồi cùng P mang lên xe ô tô biển số 49C - 165.57 chở về nhà P. Sau đó, P trồng 03 cây hoa giấy vào 03 chậu bê tông trộm cắp được từ vụ thứ nhất và trồng 01 cây hoa giấy còn lại vào chậu có sẵn tại nhà. Các chậu cây này P để ở sân nhà cùng các chậu cây đã trộm cắp được trước đó.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01 ngày 27/12/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bảo Lộc xác định: Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp của ông Trường Văn T là 28.000.000đ.

- Ngoài ra P và L còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác nhưng không đủ căn cứ cấu thành tội phạm, cụ thể như sau: Vào rạng sáng ngày 23/12/2020, P điều khiển xe ô tô tải biển số 49C - 165.57 chở L đến nhà ông Nguyễn Trường Đạt tại số 1647 Quốc lộ 20, thôn 4, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc thấy phía trước cổng

nhà có trồng cây hoa mẫu đơn nhưng không có người trông coi. P ngồi trên xe cảnh giới, còn L dùng xẻng mang theo để đào 01 gốc cây hoa mẫu đơn gồm 07 thân, có chu vi gốc từ 06cm đến 11,5cm, chiều cao gốc từ 220cm đến 300cm bỏ lên xe tải chở về nhà P trồng.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01 ngày 27/12/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bảo Lộc xác định: Tổng giá trị tài sản mà các bị can trộm cắp của ông Nguyễn Trường Đạt là 1.500.000đ.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ và ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 01 gốc cây hoa giấy đỏ, 07 gốc cây hoa đào và 17 chậu bê tông cho người đại diện theo ủy quyền của bà Mã Thị Hương S là ông K'W; trả lại 04 cây hoa giấy cho ông Trương Văn T và trả lại 01 cây hoa mẫu đơn cho ông Nguyễn Trường Đạt.

Hiện nay Cơ quan điều tra đang tạm giữ 01 chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57; 01 chiếc xẻng dài 34 cm có phần cán xẻng bằng gỗ tre dài 21 cm, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 13 cm, bề rộng lưỡi xẻng là 08 cm; 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 42 cm; 01 chiếc cửa cầm tay dài 38 cm, phần cán làm bằng nhựa màu đen dài 13 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25 cm là các công cụ phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Mã Thị Hương S, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Trường Đạt đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Cáo trạng số: 107/CT-VKSBL ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng truy tố Sứ Coóng P và Nghiêm Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Đức D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Ông K' W là đại diện hợp pháp của bị hại Mã Thị Hương S trình bày: Bà S đã nhận lại toàn bộ các tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Bích N trình bày: Chị là vợ của bị cáo P, kết hôn đầu năm 2017. Chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57 là do vợ chồng chị mua vào cuối năm 2017 với giá 400.000.000đ, tiền mua xe là do gia đình hai bên nội ngoại cho hai vợ chồng. Việc bị cáo P sử dụng xe vào mục đích trộm cắp tài sản thì chị không biết, nay chị xin nhận lại chiếc xe ô tô tải này để có phương tiện làm ăn, sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L và Bùi Đức D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sú Coóng P từ 04 đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nghiêm Văn L từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Đức D từ 02 đến 03 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xeng dài 34cm có phần cán xeng bằng gỗ tre dài 21cm, phần lưỡi xeng bằng kim loại dài 13cm, bề rộng lưỡi xeng là 08cm; 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 42cm; 01 chiếc cửa cầm tay dài 38cm, phần cán làm bằng nhựa màu đen dài 13cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bảo Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 14/12/2020, Sú Coóng P rủ Nghiêm Văn L và Bùi Đức D đi lấy trộm cây hoa giấy thì L, D đồng ý. Phát điều khiển xe ô tô tải biển số 49C-165.57 chở L và D, cả 03 đã trộm cắp được 01 gốc cây hoa giấy đỏ; 17 chậu bê tông màu cam và 07 cây hoa đào có bầu đất ở gốc đề trong khuôn viên Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc của bà Mã Thị Hương S với tổng trị giá là 41.800.000đ. Tiếp đó, khoảng 21 giờ ngày 19/12/2020, P điều khiển xe ô tô tải biển số 49C-165.57 chở L đi trộm cắp được 04 gốc cây hoa giấy tại số 265 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc của ông Trương Văn T với tổng giá trị tài sản là 28.000.000đ. Như vậy, Sú Coóng P và Nghiêm Văn L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của bà Mã Thị Hương S và ông Trương Văn T với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 69.800.000đ; Bùi Đức D đã cùng Sú Coóng P, Nghiêm Văn L trộm cắp tài sản của bà Mã Thị Hương S với trị giá 41.800.000đ. Trong khi, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi của mình

bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện, mục đích của các bị cáo là thỏa mãn thú chơi cây cảnh của cá nhân.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của Bùi Đức D đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Nhân thân: Các bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L có nhân thân xấu. Bị cáo Bùi Đức D có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L phạm tội 02 lần, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên 2.000.000đ nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Đức D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là lao động chính trong gia đình nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong các bị cáo thì bị cáo P là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L, D đi trộm cắp tài sản và là người chuẩn bị công cụ, phương tiện để phạm tội cũng như cất giấu, phân chia tài sản trộm cắp được cho các bị cáo khác. Vì vậy, bị cáo P là người chủ mưu, cầm đầu; còn bị cáo L, D là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phát.

[5] Về hình phạt chính: Tại khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội Trộm cắp tài sản quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, các bị cáo đều có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn thỏa mãn nhu cầu cho bản thân nên đi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Đối với các bị cáo Sứ Coóng P và Nghiêm Văn L là người có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc và phải xử tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng,

rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Bùi Đức D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có vai trò không lớn. Bị cáo là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội Trộm cắp tài sản quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xẻng dài 34cm có phần cán xẻng bằng gỗ tre dài 21cm, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 13cm, bề rộng lưỡi xẻng là 08cm; 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 42cm; 01 chiếc cưa cầm tay dài 38cm, phần cán làm bằng nhựa màu đen dài 13cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm. Đây là các công cụ mà các bị cáo dùng để phạm tội, xét giá trị sử dụng còn lại không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Kia K165, phần đầu xe sơn màu xanh, phần thùng xe có màu trắng bạc, biển số 49C-165.57 (giấy đăng ký xe mang tên Sú Coóng P), đây là chiếc xe mà bị cáo Phát dùng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, chiếc xe này được mua trong thời kỳ hôn nhân, cả bị cáo phát và chị Ngô Thị Bích N (vợ bị cáo P) đều khẳng định tiền mua xe là tiền chung của vợ chồng; như vậy theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo P. Khi bị cáo P sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội thì chị N không biết. Vì vậy, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57 và trả lại cho chị Ngô Thị Bích N 1/2 giá trị chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57.

- Đối với các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý đúng nên không đề cập đến.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, sau khi nhận lại tài sản đều không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét đến.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với chị Ngô Thị Bích N (vợ của bị cáo P) là đồng sở hữu chiếc xe ô tô tải biển số 49C-165.57 mà các bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, chị N không biết việc các bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L và Bùi Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sứ Coóng P **48** (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn L **42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đức D **24** (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Đức D cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lâm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xẻng dài 34cm có phần cán xẻng bằng gỗ tre dài 21cm, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 13cm, bề rộng lưỡi xẻng là 08cm; 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 42cm; 01 chiếc cửa cầm tay dài 38cm, phần cán làm bằng nhựa màu đen dài 13cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Kia K165, phần đầu xe sơn màu xanh, phần thùng xe có màu trắng bạc, biển số 49C-165.57;

- Trả lại cho chị Ngô Thị Bích N 1/2 giá trị chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Kia K165, phần đầu xe sơn màu xanh, phần thùng xe có màu trắng bạc, biển số 49C-165.57.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc)

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Sứ Coóng P, Nghiêm Văn L và Bùi Đức D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾;
- VKSND TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾;
- Công an TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾;
- Chi cục THA dân sự TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾;
- Bị cáo ⁽³⁾;
- Bị hại ⁽²⁾;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ⁽¹⁾
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ninh Khắc Phong